TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1555/2026/DS-ST
Ngày: 27/7/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1441/2026/DSST ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2846/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3313/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**

Trụ sở: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng F số A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Hà Xuân S là đại diện theo Văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 27/3/2025; ông Vũ Đức H, ông Trần Lâm N, ông Trần Văn T là đại diện theo Văn bản ủy quyền số 90/2026/UQ-KHCN ngày 24/4/2026 (vắng mặt)

2. Bị đơn: **Ông Trịnh Văn L**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp H, xã B (xã L, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ông Trần Văn T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 01/7/2022, ông L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (số hồ sơ giải ngân LD2218801798), có nội dung: Số tiền vay là 200.000.000 đồng, giải ngân ngày 07/07/2022; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất điều chỉnh: Lãi suất cho vay tối đa là 23% được cố định trong 03 tháng kế từ ngày giải ngân và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần, đối với khoản vay trên 12 tháng: Lãi suất tối đa là 23% được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, trường hợp thời gian vay thực tế từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gàn nhất chưa dù 03 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân được giữ cố định đến hết kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất đó và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Biên độ điều chỉnh tối đa là 15%.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/01/2024 ông Trịnh Văn L đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 99.681.106 đồng; trong đó: gốc đã trả là 34.809.213 đồng, lãi trong hạn đã trả là 64.429.109 đồng và lãi quá hạn đã trả là 442.784 đồng. Từ ngày 05/01/2024 ông L ngưng không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng; Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông L sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn.

Dư nợ thực tế tính đến ngày 27/7/2026 của hợp đồng cho vay trên là:

Nợ gốc là 165.190.787 đồng

Nợ lãi trong hạn là 3.418.310 đồng

Nợ lãi quá hạn là 152.570.274 đồng

Tổng dư nợ là 321.179.371 đồng (1)

- Ngày 16/3/2023, ông L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần V ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ Hợp đồng LN2303218690440 (số hồ sơ giải ngân 325-P-4224905), có nội dung: Số tiền vay: 72.000.000 đồng, giải ngân từ ngày 03/04/2023; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cố định là 3.99%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.652.800 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ

đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 22.525.920 đồng (trong đó: gốc đã trả là 3.646.834 đồng, lãi đã trả là 18.879.086 đồng và phí đã trả là 0 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 7 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 27/12/2023 ông L ngưng không thực hiện giao dịch cũng như thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng.

Dư nợ thực tế tính đến ngày 27/7/2026 của hợp đồng cho vay trên là:

Nợ gốc là 71.005.966 đồng

Nợ lãi là 189.202.616 đồng

Tổng dư nợ là 260.208.582 đồng (2)

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 7 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên toàn bộ khoản vay của ông L đã bị ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 12 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông L, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại các Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa buộc ông Trịnh Văn L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/7/2026 là 581.387.953 đồng (bao gồm nợ gốc 236.196.763đồng và nợ lãi 345.191.200đồng). Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng số LN2303218690440 ngày 01/7/2022 và hợp đồng số LN2207046128943 ngày 07/7/2022 .

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trịnh Văn L đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Ông L không có bản trình bày lời khai của mình về vụ án cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 581.387.953 đồng (bao gồm nợ gốc 236.196.763 đồng và nợ lãi 345.191.200 đồng). Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng số LN2303218690440 ngày 01/7/2022 và hợp đồng số LN2207046128943 ngày 07/7/2022; thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn L thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2218801798 ngày 01/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 16/3/2023 do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông L có nơi cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức H, ông Trần Lâm N, ông Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn - ông Trịnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Trịnh Văn L thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng tính đến ngày 27/7/2026 là 581.387.953 đồng, bao gồm: nợ gốc 236.196.763 đồng (trong đó Hợp đồng số LN2303218690440 là 71.005.966 đồng và hợp đồng số LN2207046128943 là 165.190.787 đồng) và nợ lãi 345.191.200đồng (trong đó Hợp đồng số LN2303218690440 là 189.202.616 đồng và hợp đồng số LN2207046128943 là 155.988.584 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) số LN2207046128943 ngày 01/7/2022 thể hiện nội dung ông Trịnh Văn L đề nghị và Ngân hàng TMCP V đã cấp tín dụng cho ông L với hạn mức sử dụng là 200.000.000đồng. Ngày 07/7/2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 200.000.000đồng cho ông L theo hồ sơ giải ngân số LD2218801798. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/01/2024 ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 99.681.106 đồng (gồm tiền nợ gốc là 34.809.213 đồng, lãi trong hạn là 64.429.109 và lãi quá hạn là 442.784 đồng). Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên từ ngày 05/01/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ gốc 165.190.787 đồng áp dụng lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 7 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 (gọi tắt Hợp đồng tín dụng thẻ) số LN2303218690440 ngày 16/3/2023 thể hiện nội dung ông Trịnh Văn L đề nghị cấp thẻ V1 JCB cho ông, Ngân hàng TMCP V đã cấp tín dụng cho ông L với hạn mức sử dụng là 72.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.652.800 đồng. Tính đến ngày 26/12/2023, Ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 22.525.920 đồng (gồm tiền nợ gốc, lãi và phí). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 9 của bản Điều

khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau đó ông L không tiếp tục thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 06/12/2022 cho đến nay. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên từ ngày 05/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ gốc 71.005.966 đồng áp dụng lãi suất quá hạn (3.99%/tháng) là phù hợp với quy định tại Điều 7 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét thấy, ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 27/7/2026 cụ thể: (1) Hợp đồng tín dụng số LN2207046128943 ngày 01/7/2022 là 321.179.371 đồng, trong đó: Nợ gốc là 165.190.787 đồng, N1 lãi trong hạn là 3.418.310 đồng, N1 lãi quá hạn là 152.570.274 đồng

(2) Hợp đồng tín dụng thẻ số LN2303218690440 ngày 16/3/2023 là 260.208.582 đồng, trong đó: Nợ gốc là 71.005.966 đồng và Nợ lãi là 189.202.616 đồng.

Tổng (1) + (2) số tiền là 581.387.953 (Năm trăm tám mươi mốt triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi ba) đồng là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N2 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Việc ông L đã sử dụng khoản tiền vay do Ngân hàng cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và các khoản phí, tiền lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng tính đến ngày 27/7/2026 là 581.387.953 đồng (bao gồm nợ gốc 236.196.753 đồng và nợ lãi 345.191.200 đồng); đồng thời phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 28/7/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/3/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 01/7/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Trịnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Trịnh Văn L.

Buộc ông Trịnh Văn L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V T1 tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số LN2207046128943 ngày 01/7/2022 và Hợp đồng tín dụng thẻ số LN2303218690440 ngày 16/3/2023 tính đến ngày 27/7/2026 là 581.387.953 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc 236.196.753 đồng và nợ lãi 345.191.200 đồng. Thanh toán ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Trịnh Văn L phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 01/7/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần V và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 16/3/2023 kèm theo bản Điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 27.255.518 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm mười tám đồng) ông Trịnh Văn L phải chịu, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng thương mại cổ phần V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.009.976 đồng (Mười một triệu không trăm lẻ chín nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0028704 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga